

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN
SÀI GÒN VI NA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Quang Hiến	Chủ tịch	22/4/2019	
Ông Võ Hữu Thiện	Chủ tịch		22/4/2019
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên	27/4/2018	
Bà Bùi Hương Quế	Thành viên	27/4/2018	
Ông Nguyễn Vũ Anh Tú	Thành viên	22/4/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Trương Thành Long	Trưởng ban	18/9/2018	
Ông Đào Ngọc Phương Nam	Thành viên		
Bà Đoàn Thu Hương	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Quang Hiến	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	25/3/2019	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HIỂN - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.5, Công ty đã hoàn tất giai đoạn 1 - Phần ngầm (cọc và tường vây) của Chung cư Dragon Hill Premier thuộc dự án Dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt. Hiện tại, Công trình đang tạm dừng thi công để hoàn thiện các thủ tục pháp lý tiếp tục xây dựng các hạng mục tiếp theo. Ý kiến kiểm toán của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKIN kiểm toán: 1817-2018-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.904.199.317.535	1.345.125.006.040
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.914.075.427	45.789.907.299
1. Tiền	111		3.414.075.427	4.289.907.299
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.500.000.000	41.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	383.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	383.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		904.427.779.746	213.460.787.864
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.205.417.086	20.979.992.063
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.989.924	406.865.484
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	820.712.547.070	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	77.696.638.666	192.073.930.317
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(197.813.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		927.168.367.152	678.203.594.013
Hàng tồn kho	141	V.5	927.168.367.152	678.203.594.013
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.689.095.210	24.670.716.864
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	5.617.500	3.458.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.397.369.507	24.667.258.228
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	286.108.203	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.464.924.800.324	2.571.531.158.249
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		347.142.042.237	1.457.667.122.256
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	347.142.042.237	1.457.667.122.256
II. Tài sản cố định	220		1.227.973.204	196.227.873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.146.270.989	73.887.297
Nguyên giá	222		1.661.705.751	1.748.314.914
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(515.434.762)	(1.674.427.617)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	81.702.215	122.340.576
Nguyên giá	228		282.383.660	282.383.660
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(200.681.445)	(160.043.084)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.654.491.441	53.654.491.441
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	53.654.491.441	53.654.491.441
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	1.002.510.300.000	1.005.510.300.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.005.510.300.000	1.005.510.300.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		60.389.993.442	54.503.016.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	59.518.730.842	54.503.016.679
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	871.262.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.369.124.117.859	3.916.656.164.289

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.380.272.478.604	2.953.938.118.841
I. Nợ ngắn hạn	310		563.824.158.051	89.644.641.508
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	25.667.857.130	20.120.600.981
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	513.105.032	697.395.682
3. Phải trả người lao động	314		747.062.677	1.413.570.984
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	58.759.123.661	33.917.228.738
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	113.825.524.232	32.105.298.448
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	361.800.180.644	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.050.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.461.304.675	1.390.546.675
II. Nợ dài hạn	330		1.816.448.320.553	2.864.293.477.333
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	240.000.000	1.409.359.701.389
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.816.208.320.553	1.454.933.775.944
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		988.851.639.255	962.718.045.448
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	988.851.639.255	962.718.045.448
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.565.519.629	1.565.519.629
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.286.119.626	61.152.525.819
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.752.525.819	59.031.246.643
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		28.533.593.807	2.121.279.176
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.369.124.117.859	3.916.656.164.289

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020


NGUYỄN QUANG HIỀN
Tổng Giám đốc


TRẦN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng


TRẦN THÀNH NHƠN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	45.525.832.162
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	45.525.832.162
4. Giá vốn hàng bán	11		-	55.831.363.140
5. (Lỗ)/ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	(10.305.530.978)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	214.193.154.460	20.125.506.874
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	169.410.598.582	4.149.302.260
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		165.260.170.441	4.027.397.260
8. Chi phí bán hàng	25		-	453.985.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	16.136.224.015	2.535.981.150
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.646.331.863	2.680.707.081
11. Thu nhập khác	31		603.547.942	5.062.833.320
12. Chi phí khác	32		1.602.461.876	4.879.751.558
13. (Lỗ)/ Lợi nhuận khác	40	VI.4	(998.913.934)	183.081.762
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.647.417.929	2.863.788.843
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	(14.913.278)	742.509.667
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(871.262.600)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.533.593.807	2.121.279.176
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6a	284	6
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6b	284	6

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN QUANG HIỀN
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng

TRẦN THÀNH NHƠN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phát được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.647.417.929	2.863.788.843
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		135.063.760	86.449.098
- Các khoản dự phòng	03		3.197.813.000	(1.591.119.280)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(178.411.960.852)	(2.018.407.553)
- Chi phí lãi vay	06		165.260.170.441	4.027.397.260
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.828.504.278	3.368.108.368
- Giảm các khoản phải thu	09	VII	452.329.821.322	1.327.930.544.057
- Tăng hàng tồn kho	10		(182.868.387.095)	(155.026.605.890)
- Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng chi phí trả trước	12	VII	(955.501.855.548)	(1.304.731.318.709)
- Giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5.017.873.027)	(13.697.944.303)
- Tiền lãi vay đã trả	14		383.000.000.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VII	(206.557.677.471)	(15.402.725.015)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(376.200.471)	(838.665.474)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.329.242.000)	(1.147.436.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(499.492.910.012)	(159.546.042.966)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(1.166.809.091)	(17.746.152.977)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		419.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII	(46.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	VII	-	(1.000.000.000.000)
5. Tiền thu lãi ngân hàng, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	174.071.709.181	1.974.240.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		127.323.990.999	(1.015.771.912.281)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII	411.874.544.609	1.596.007.186.171
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.302.113.453)	(410.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(279.344.015)	(549.524.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		357.293.087.141	1.185.457.662.060
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.875.831.872)	10.139.706.813
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	45.789.907.299	35.650.200.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	30.914.075.427	45.789.907.299

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN QUANG HIẾN
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng

TRẦN THÀNH NHƠN
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na tiền thân là Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vi Na được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008459 ngày 16 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008459 thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 7 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008459 thay đổi lần thứ 2 ngày 3 tháng 7 năm 2009, chuẩn y việc thay đổi người đại diện phần vốn của các cổ đông sáng lập trong Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305316946 thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 12 năm 2010, chuẩn y việc giảm vốn điều lệ từ 1.500.000.000.000 VND xuống 626.258.240.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305316946 thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 10 năm 2011, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty từ 8-8 Bis Hàm Tử, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh sang 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305316946 thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi tên của Công ty từ “Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vi Na” thành “Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na”.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305316946 thay đổi lần thứ 6 ngày 6 tháng 7 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi thông tin về Chi nhánh Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305316946 thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 7 năm 2014, chuẩn y các việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Nguyễn Quang Hiến chức danh Tổng Giám đốc sang ông Võ Hữu Thiện chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ sung ngành, nghề và thay đổi thông tin về Chi nhánh Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305316946 thay đổi lần thứ 8 ngày 18 tháng 8 năm 2014, chuẩn y các việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305316946 thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 02 năm 2016, chuẩn y các việc tăng vốn điều lệ từ 626.258.340.000 VND lên 900.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305316946 thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305316946 thay đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 5 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận là công ty đại chúng vào ngày 01 tháng 8 năm 2008.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• **Vốn điều lệ** : 900.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 90.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (04-028) 2241 8282

Fax : (04-028) 3838 1626

Mã số thuế : 0 3 0 5 3 1 6 9 4 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý chung cư, nhà cao tầng; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, giám sát thi công, khảo sát xây dựng); Trang trí nội thất;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lợi nhuận 28.533.593.807 VND, tăng 1245% đáng kể so với kỳ kế toán năm trước là 26.412.314.631 VND chủ yếu lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính tăng 14.804.958.649 VND tương ứng tỷ lệ tăng 102% và hoạt động kinh doanh bất động sản năm nay không phát sinh và giảm lỗ 12.789.351.678 VND so với năm trước do Công ty chỉ còn dự án Chung cư Dragon Hill Premier thuộc dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt của Công ty chỉ mới khởi công xây dựng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 33 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, phải thu về cho vay, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay/ trái phiếu phát hành.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi cổ tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chứng tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành dựa trên số ngày quá hạn các khoản vay hoặc theo đánh giá khả năng thu hồi. Theo đó, khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về bán căn hộ chung cư và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu, lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư; các khoản chi cho các dự án đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (xem bên dưới); các khoản ủy quyền chi trả cổ tức cho các cổ đông; các khoản phải thu không mang tính thương mại như: tạm ứng nhân viên, các khoản ký quỹ, ký cược, và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của các phần mềm máy tính, đây là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty chưa hoàn hành tại ngày Báo cáo tài chính.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trong trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của Công ty theo hình thức BCC chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

Bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế phải căn cứ vào bản chất của hợp đồng để kế toán một cách phù hợp theo nguyên tắc:

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm các lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với NSNN, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí cho dự án Chung cư Dragon Hill Premier, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí cho dự án Chung cư Dragon Hill Premier bao gồm các chi phí môi giới, quảng cáo, chi phí khác phát sinh khi bán được căn hộ. Các chi phí này được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi căn hộ đó hoàn thành và bàn giao.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả lãi vay, phải trả lãi và vốn nhận từ các hợp tác đồng hợp tác đầu tư, các khoản nhận tiền cọc, ký quỹ, ký cược và các khoản phải trả khác.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác của chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập vốn khác và các quỹ (quỹ khen thưởng, phúc lợi) từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

15. Doanh thu

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chi tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng...).

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	33.104.961	93.418.972
Tiền gửi ngân hàng	3.380.970.466	4.196.488.327
Các khoản tương đương tiền (i)	27.500.000.000	41.500.000.000
Cộng	30.914.075.427	45.789.907.299

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5%/năm (năm 2018: 5%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khách hàng mua căn hộ Chung cư Phú Hoàng Anh	3.288.186.805	10.453.348.377
Khách hàng mua căn hộ Chung cư Linh Trung	2.917.230.281	9.006.414.746
Khách hàng mua đất nền Khu Dân cư Nguyễn Văn Trỗi	-	1.197.728.940
Phải thu khách hàng khác	-	322.500.000
Cộng	6.205.417.086	20.979.992.063

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cho vay ngắn hạn	820.712.547.070	-	-	-
Cộng	820.712.547.070	-	-	-

Khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn 12 tháng với lãi suất từ 9,1%/năm đến 10,6%/năm, lãi vay trả 1 lần cuối kỳ cùng với kỳ trả nợ gốc.

4. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	77.696.638.666	-	192.073.930.317	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	66.082.191	-	122.014.079	-
Phải thu lãi cho vay	41.436.045.389	-	-	-
Phải thu lãi trái phiếu	-	-	52.396.500.000	-
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	5.070.113.887	-
Phải thu tiền thanh lý trái phiếu	-	-	134.279.435.309	-
Phải thu lãi chậm thanh toán tiền mua trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	64.604.905	-	115.146.059	-
Tạm ứng nhân viên	136.715.660	-	88.686.739	-
Các khoản phải thu khác	258.521	-	2.034.244	-
b) Dài hạn	347.142.042.237	-	1.457.667.122.256	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh (BCC)	221.000.000.000	-	1.114.000.000.000	-
Dự án Khu du lịch sinh thái Thanh Vân (ii)	221.000.000.000	-	330.000.000.000	-
Các dự án khác	-	-	784.000.000.000	-
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	77.527.542.237	-	295.048.055.556	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	48.614.500.000	-	48.619.066.700	-
Cộng	424.838.680.903	-	1.649.741.052.573	-

(i) Đây là khoản tiền Công ty ủy quyền chi trả cổ tức cho cổ đông.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Thanh Vân ("Thanh Vân") số 16/2016/TV-LSG ngày 5 tháng 3 năm 2016 để đầu tư vào Dự án Khu du lịch sinh thái Thanh Vân tại Bãi Vũng Tàu, xã Ninh Vân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa do Thanh Vân làm chủ đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư 37121000021 ngày 11 tháng 9 năm 2007. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các bên. Thỏa thuận hợp tác đầu tư được gia hạn đến ngày 3 tháng 5 năm 2020 theo Phụ lục HĐ 01/16/2016/TV-LSG ngày 01 tháng 3 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền đầu tư dự án này là 221.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 330.000.000.000 VND).

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</i>	<i>927.168.367.152</i>	<i>-</i>	<i>678.203.594.013</i>	<i>-</i>
Chung cư Dragon Hill Premier	927.168.367.152	-	678.203.594.013	-
Cộng	927.168.367.152	-	678.203.594.013	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, hàng tồn kho thể hiện phí sản xuất, kinh doanh dở dang liên quan đến việc đầu tư, xây dựng Chung cư Dragon Hill Premier thuộc dự án Khu Phức hợp Dragon Riverside City 628 - 630 Võ Văn Kiệt. Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí đầu tư dự án trong năm với số tiền 66.096.386.044 VND.

Công ty đã hoàn tất giai đoạn 1 - Phần ngầm (cọc và tường vây) của Chung cư Dragon Hill Premier thuộc dự án Dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt. Hiện tại, Công trình đang tạm dừng thi công để hoàn thiện các thủ tục pháp lý tiếp tục xây dựng các hạng mục tiếp theo.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, Công ty đã thế chấp toàn bộ dự án Chung cư Dragon Hill Premier thuộc Khu Phức hợp Dragon Riverside City 628 - 630 Võ Văn Kiệt để đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

6. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	5.617.500	3.458.636
Công cụ, dụng cụ	5.617.500	3.458.636
b) Dài hạn	59.518.730.842	54.503.016.679
Công cụ, dụng cụ	139.352.696	108.787.028
Chi phí bán hàng dự án Chung cư Dragon Hill Premier	59.379.378.146	54.394.229.651
Cộng	59.524.348.342	54.506.475.315

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	218.872.987	1.253.418.254	276.023.673	1.748.314.914
Tăng trong năm	-	1.166.809.091	-	1.166.809.091
Giảm trong năm	-	1.253.418.254	-	1.253.418.254
Số cuối năm	218.872.987	1.166.809.091	276.023.673	1.661.705.751
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	144.985.690	1.253.418.254	276.023.673	1.674.427.617
Tăng trong năm	28.387.292	66.038.107	-	94.425.399
Khấu hao trong năm	28.387.292	66.038.107	-	94.425.399
Giảm trong năm	-	1.253.418.254	-	1.253.418.254
Số cuối năm	173.372.982	66.038.107	276.023.673	515.434.762
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	73.887.297	-	-	73.887.297
Số cuối năm	45.500.005	1.100.770.984	-	1.146.270.989
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:				
Số đầu năm	-	1.253.418.254	276.023.673	1.529.441.927
Số cuối năm	-	-	276.023.673	276.023.673

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm máy tính, đây là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	282.383.660	-	-	282.383.660
Giá trị hao mòn lũy kế	160.043.084	40.638.361	-	200.681.445
Giá trị còn lại	122.340.576	(40.638.361)	-	81.702.215

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt	53.654.491.441	53.654.491.441
Cao ốc Dragon Tower	42.842.393.585	42.842.393.585
Trung tâm thương mại Dragon Mall	10.812.097.856	10.812.097.856
Cộng	53.654.491.441	53.654.491.441

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, Công ty đã thế chấp toàn bộ dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt để đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIN
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Việt Nam	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy da và Máy mặc XNK Legamex	510.300.000	-	510.300.000	-
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.002.000.000.000	-	1.258.215.914.000	-
Cộng	1.005.510.300.000	(3.000.000.000)	1.258.726.214.000	1.061.032.823.000
			1.005.510.300.000	-
				1.064.543.123.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị niêm yết, giá hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính.
- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Các khoản dự phòng	Chi phí phải trả	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	849.562.600	21.700.000	871.262.600
Số cuối năm	849.562.600	21.700.000	871.262.600

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Kiến trúc Tư vấn Quản lý Đông Dương	24.573.988.772	24.573.988.772	16.385.966.086	16.385.966.086
Các nhà cung cấp khác	1.093.868.358	1.093.868.358	3.734.634.895	3.734.634.895
Cộng	25.667.857.130	25.667.857.130	20.120.600.981	20.120.600.981

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.005.546	(14.913.278)	376.200.471	(286.108.203)
Thuế thu nhập cá nhân	592.390.136	2.253.319.282	2.332.604.386	513.105.032
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	206.428.349	206.428.349	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	697.395.682	2.447.834.353	2.918.233.206	226.996.829

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	286.108.203
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	697.395.682	513.105.032

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	49.495.911.401	27.824.347.387
Lãi trái phiếu phải trả	7.154.712.260	4.027.397.260
Chi phí mua cổ phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí phải trả khác	108.500.000	65.484.091
Cộng	58.759.123.661	33.917.228.738

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VINA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	113.825.524.232	32.105.298.448
Phải trả cổ tức	8.410.618.119	8.625.357.229
Phải trả lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.696.272.894	3.875.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Quốc tế Tâm Phát	86.338.696.000	-
Tiền đặt chỗ quyền mua căn hộ Chung cư Dragon Hill Premier (i)	13.190.000.000	19.400.000.000
Các khoản phải trả khác	189.937.219	204.941.219
b) Dài hạn	240.000.000	1.409.359.701.389
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	240.000.000	240.000.000
Phải trả lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	-	295.119.701.389
Nhận tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	-	1.114.000.000.000
Cộng	<u>114.065.524.232</u>	<u>1.441.464.999.837</u>
Trong đó, tiền đặt chỗ quyền mua căn hộ Chung cư Dragon Hill Premier là các bên liên quan (i)	<u>150.000.000</u>	<u>430.000.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIN
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (i)	361.800.180.644	361.800.180.644	416.102.294.097	54.302.113.453	-	-
	361.800.180.644	361.800.180.644	416.102.294.097	54.302.113.453	-	-
b) Dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	1.816.208.320.553	1.816.208.320.553	2.228.374.544.609	1.867.100.000.000	1.454.933.775.944	1.454.933.775.944
	683.308.320.553	683.308.320.553	228.374.544.609	-	454.933.775.944	454.933.775.944
Trái phiếu phát hành (iii)	1.132.900.000.000	1.132.900.000.000	2.000.000.000.000	1.867.100.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	2.178.008.501.197	2.178.008.501.197	2.644.476.838.706	1.921.402.113.453	1.454.933.775.944	1.454.933.775.944

(i) Khoản vay ngắn hạn với thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngày 01 tháng 6 năm 2019, lãi suất 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và đầu tư dự án Khu phức hợp Cao ốc văn phòng - Thương mại - Khách sạn và Chung cư (Dragon Riverside City).

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 1.550.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 42 tháng. Thời gian ân hạn là 30 tháng kể từ ngày rút vốn, thời hạn thanh toán bắt đầu từ ngày 28 tháng 8 năm 2020, lãi suất vay 9,5%/năm cho năm đầu tiên và 11,2%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất và thanh toán các chi phí thi công, chi phí liên quan đến việc thực hiện Dự án Khu nhà ở chung cư Cao tầng thuộc giai đoạn 1 Dự án "Khu phức hợp Cao ốc văn phòng - Thương mại - Khách sạn và Chung cư (Dragon Riverside City) tại số 628-630 Đường Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, TP. HCM"; Bù đắp phần vốn tự có, nguồn tài chính mà Bên được cấp tín dụng cho Dự án "Khu phức hợp Cao ốc văn phòng - Thương mại - Khách sạn và Chung cư (Dragon Riverside City) tại số 628-630 Đường Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh". Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của dự án (xem Thuyết minh số V.5 và số V.9).

(iii) Chi tiết trái phiếu phát hành như sau:

- Năm 2018, Công ty phát hành 1.000.000 trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu có tổng giá trị 1.000 tỷ VND. Trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng, ngày phát hành: 18 tháng 12 năm 2018, ngày đáo hạn: 18 tháng 12 năm 2021, lãi suất 10,5%/năm cố định được trả cuối mỗi năm kể từ ngày phát hành.
- Trong năm 2019, Công ty phát hành thêm 20.000 trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu có tổng giá trị 2.000 tỷ VND. Trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 11%/năm cố định được trả 6 tháng/lần. Vào ngày 26 tháng 12 năm 2019, Công ty đã mua lại 18.671 trái phiếu trị giá 1.867,1 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số trái phiếu của đợt phát hành này còn lại là 1.329 trái phiếu trị giá 132,9 tỷ VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
Năm trước				
Quỹ khen thưởng	30.000.000	1.800.000.000	1.113.000.000	717.000.000
Quỹ phúc lợi	107.982.675	600.000.000	34.436.000	673.546.675
Cộng	137.982.675	2.400.000.000	1.147.436.000	1.390.546.675
Năm nay				
Quỹ khen thưởng	717.000.000	1.400.000.000	1.239.000.000	878.000.000
Quỹ phúc lợi	673.546.675	1.000.000.000	1.090.242.000	583.304.675
Cộng	1.390.546.675	2.400.000.000	2.329.242.000	1.461.304.675

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước				
Số đầu năm	900.000.000.000	1.565.519.629	61.431.246.643	962.996.766.272
Lợi nhuận năm trước	-	-	2.121.279.176	2.121.279.176
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số cuối năm	900.000.000.000	1.565.519.629	61.152.525.819	962.718.045.448
Năm nay				
Số đầu năm	900.000.000.000	1.565.519.629	61.152.525.819	962.718.045.448
Lợi nhuận năm nay	-	-	28.533.593.807	28.533.593.807
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số cuối năm	900.000.000.000	1.565.519.629	87.286.119.626	988.851.639.255

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	13,59%	12.233.584	122.335.840.000	13,59%	12.233.584	122.335.840.000
Công ty Cổ phần SOVICO	4,19%	3.773.900	37.739.000.000	4,19%	3.773.865	37.738.650.000
Công ty Cổ phần Quản Lý và Phát triển Bất động sản Conasi	4,97%	4.473.000	44.730.000.000	4,97%	4.473.000	44.730.000.000
Bà Nguyễn Thị Thạch Trúc	12,72%	11.452.250	114.522.500.000	12,72%	11.452.250	114.522.500.000
Ông Phạm Hữu Hòa	12,72%	11.452.250	114.522.500.000	12,72%	11.452.250	114.522.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu	16,48%	14.833.454	148.334.540.000	16,48%	14.833.454	148.334.540.000
Các cổ đông khác	35,33%	31.781.562	317.815.620.000	35,33%	31.781.597	317.815.970.000
Cộng	100,00%	90.000.000	900.000.000.000	100,00%	90.000.000	900.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.268.826.456	2.008.890.053
Lãi cho vay	43.720.417.992	-
Lãi trái phiếu	77.535.202.055	-
Cổ tức được chia	46.948.355.000	-
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.520.068.440	9.517.500
Phí sử dụng vốn	93.231.540	17.899.435.309
Lãi chậm trả	36.107.052.977	207.664.012
Cộng	214.193.154.460	20.125.506.874

2. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	21.394.159.441	-
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	143.866.011.000	4.027.397.260
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.000.000.000	-
Chi phí chiết khấu thanh toán chung cư Linh Trung	183.428.141	121.905.000
Chi phí tài chính khác	967.000.000	-
Cộng	169.410.598.582	4.149.302.260

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.064.661.768	266.610.309
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	368.694.312	13.345.819
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.271.099	13.379.067
Chi phí khấu hao	135.063.760	3.632.344
Thuế, phí và lệ phí	17.569.546	2.170.755
Chi phí dự phòng	197.813.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	633.900.664	47.406.750
Chi phí bằng tiền khác	6.601.249.866	2.189.436.106
Cộng	16.136.224.015	2.535.981.150

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay là 16.136.224.015 VND, tăng 13.600.242.865 VND tương ứng tỷ lệ tăng 536% so với kỳ kế toán năm trước, trong đó chi phí tiền lương tăng 7.798.051.459 VND và các chi phí khác tăng 5.802.191.406 VND. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty ngừng vốn hóa chi phí lương của nhân viên quản lý và các chi phí quản lý chung vào dự án Chung cư Dragon Hill Premier thuộc dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt do công trình đang tạm ngừng thi công xây dựng với lý do nêu tại Thuyết minh số V.5.

4. (Lỗ)/ Lợi nhuận khác

Thu nhập thanh lý TSCĐ	419.090.909	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	24.305.810	16.451.462
Thu nhập khác	160.151.223	5.046.381.858
Thu nhập khác	603.547.942	5.062.833.320
Chi phí quản lý, sửa chữa căn hộ, chung cư	1.050.000.000	75.610.625
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	46.851.748
Chi phí khác	552.461.876	4.757.289.185
Chi phí khác	1.602.461.876	4.879.751.558
(Lỗ)/ Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(998.913.934)	183.081.762

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.647.417.929	2.863.788.843
<i>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán</i>	<i>(40.514.438.661)</i>	<i>848.759.491</i>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	7.151.269.860	848.759.491
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(47.013.839.091)	-
Tổng thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(12.215.151.302)	3.712.548.334
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	-	742.509.667
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	(14.913.278)	-
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(14.913.278)	742.509.667

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

6. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.533.593.807	2.121.279.176
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.000.000.000)	(1.600.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.533.593.807	521.279.176
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	284	6

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.533.593.807	521.279.176
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	25.533.593.807	521.279.176
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	90.000.000	90.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	284	6

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	487.075.411	517.238.711
Chi phí nhân viên	37.206.217.541	13.245.389.136
Chi phí khấu hao	135.063.760	86.449.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.181.389.277	262.671.838.921
Chi phí bằng tiền khác	17.091.251.165	15.434.263.853
Cộng	265.100.997.154	291.955.179.719

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	66.082.191	122.014.079
Lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phải thu	43.907.661.148	107.207.027.778
Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh chuyển thành khoản cho vay ngắn hạn trong năm	237.528.174.467	-
Lãi cho vay nhập gốc	2.284.372.603	-
Phải trả chi phí mua cổ phiếu	-	2.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	21.394.159.441	27.824.347.387
Lãi trái phiếu phải trả	4.027.397.260	4.027.397.260

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu của năm trước đã thu trong năm	122.014.079	77.847.222
Lãi trái phiếu phải thu của năm trước đã thu trong năm	52.396.500.000	-
Lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phải thu năm trước đã thu trong năm	28.970.113.887	-
Phải trả mua sắm tài sản cuối năm trước đã trả trong năm	-	3.397.665.553
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	27.824.347.387	8.035.269.792
Chi phí lãi trái phiếu phải trả năm trước đã trả trong năm	4.027.397.260	-
Cổ tức phải trả của năm trước đã trả trong năm	279.344.015	549.524.111

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Ông Nguyễn Quang Hiến

Ông Võ Hữu Thiện

Ông Nguyễn Quang Trung

Ông Nguyễn Vũ Anh Tú

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 22/4/2019), Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 22/4/2019)

Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 22/4/2019),

Phó Tổng Giám đốc

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận đặt chỗ quyền mua căn hộ Chung cư Dragon Hill Premier thuộc Dự án Khu Phức hợp Dragon Riverside City 628 - 630 Võ Văn Kiệt:		
Ông Võ Hữu Thiện	(230.000.000)	50.000.000
Ông Nguyễn Vũ Anh Tú	(50.000.000)	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư nhận tiền đặt chỗ quyền mua căn hộ Chung cư Dragon Hill Premier thuộc Dự án Khu Phức hợp Dragon Riverside City 628 - 630 Võ Văn Kiệt:		
Ông Võ Hữu Thiện	-	230.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung	50.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Quang Hiến	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Vũ Anh Tú	-	50.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	4.133.316.164	4.183.424.267
Thù lao	408.000.000	800.000.000
Cộng	<u>4.541.316.164</u>	<u>4.983.424.267</u>

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay/ trái phiếu phát hành như được trình bày tại Thuyết minh số V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay/ trái phiếu phát hành	2.178.008.501.197	1.454.933.775.944
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(30.914.075.427)	(45.789.907.299)
Nợ thuần	2.147.094.425.770	1.409.143.868.645
Vốn chủ sở hữu	988.851.639.255	962.718.045.448
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>217%</u>	<u>146%</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.914.075.427	30.914.075.427	45.789.907.299	45.789.907.299
Chứng khoán kinh doanh	-	-	383.000.000.000	383.000.000.000
Phải thu về cho vay	820.712.547.070	820.712.547.070	-	-
Phải thu của khách hàng	6.007.604.086	6.007.604.086	20.979.992.063	20.979.992.063
Phải thu khác	424.701.965.243	424.701.965.243	1.649.650.590.111	1.649.650.590.111
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.005.510.300.000	1.258.215.914.000	1.005.510.300.000	1.061.032.823.000
Cộng	2.287.846.491.826	2.540.552.105.826	3.104.930.789.473	3.160.453.312.473

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	25.667.857.130	25.667.857.130	20.120.600.981	20.120.600.981
Chi phí phải trả	58.759.123.661	58.759.123.661	14.687.677.498	14.687.677.498
Phải trả khác	113.887.624.513	113.887.624.513	1.441.287.100.118	1.441.287.100.118
Các khoản vay/ trái phiếu phát hành	2.178.008.501.197	2.178.008.501.197	1.454.933.775.944	1.454.933.775.944
Cộng	2.376.323.106.501	2.376.323.106.501	2.931.029.154.541	2.931.029.154.541

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, phải thu của khách hàng, phải thu cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay/ trái phiếu phát hành tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.10.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hiện nay, Công ty hoạt động kinh doanh ở lĩnh vực bất động sản, đầu tư chứng khoán và hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh, do đó, Công ty chủ yếu chịu rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, đầu tư chứng khoán, phải thu về các khoản cho vay, các khoản phải thu/ phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư và các khoản vay/ trái phiếu phát hành.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay/ trái phiếu phát hành chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay/ trái phiếu phát hành, hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay/ trái phiếu phát hành thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của bất động sản và giá chứng khoán sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cả bất động sản

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong năm, tình hình kinh doanh bất động không còn sôi động, nguồn cung tại thành phố Hồ Chí Minh thu hẹp do hướng hạn chế phát triển dự án mới trong Kế hoạch phát triển nhà trong thành phố Hồ Chí Minh đã được phê duyệt, tâm lý nhà đầu tư hoang mang vì các dự án trong thành phố bị rà soát tính pháp lý, kiện tụng, tuy nhiên giá cả bất động sản lại gia tăng mạnh,... Hiện tại, Công ty chỉ còn tồn kho dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 - 630 Võ Văn Kiệt, dự án này đang trong giai đoạn đầu của quá trình thi công xây dựng.

Các khoản đầu tư được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu khác).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là thu tiền theo tiến độ của hợp đồng, khách hàng nhỏ lẻ, không tập trung, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu của khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản phải thu về cho vay, phải thu khác

Các khoản phải thu về cho vay, phải thu khác chủ yếu là các khoản cho các bên có liên quan vay, các khoản dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh bao gồm giá trị đầu tư và lãi dự tính được chia. Ban Tổng Giám đốc đánh giá các khoản phải thu này không bị suy giảm về giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.914.075.427	-	-	30.914.075.427
Phải thu về cho vay	820.712.547.070	-	-	820.712.547.070
Phải thu của khách hàng	6.007.604.086	-	-	6.007.604.086
Phải thu khác	77.559.923.006	347.142.042.237	-	424.701.965.243
Đầu tư góp vốn	-	-	1.005.510.300.000	1.005.510.300.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VI NA

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
vào đơn vị khác				
Cộng	935.194.149.589	347.142.042.237	1.005.510.300.000	2.287.846.491.826
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	25.667.857.130	-	-	25.667.857.130
Chi phí phải trả	58.759.123.661	-	-	58.759.123.661
Phải trả khác	113.647.624.513	240.000.000	-	113.887.624.513
Các khoản vay/ Trái phiếu phát hành	361.800.180.644	1.816.208.320.553	-	2.178.008.501.197
Cộng	559.874.785.948	1.816.448.320.553	-	2.376.323.106.501
Chênh lệch thanh khoản thuần	375.319.363.641	(1.469.306.278.316)	1.005.510.300.000	(88.476.614.675)
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.789.907.299	-	-	45.789.907.299
Chứng khoán kinh doanh	383.000.000.000	-	-	383.000.000.000
Phải thu của khách hàng	20.979.992.063	-	-	20.979.992.063
Phải thu khác	191.983.467.855	1.457.667.122.256	-	1.649.650.590.111
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	1.005.510.300.000	1.005.510.300.000
Cộng	641.753.367.217	1.457.667.122.256	1.005.510.300.000	3.104.930.789.473
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	20.120.600.981	-	-	20.120.600.981
Chi phí phải trả	14.687.677.498	-	-	14.687.677.498
Phải trả khác	31.927.398.729	1.409.359.701.389	-	1.441.287.100.118
Các khoản vay/ Trái phiếu phát hành	-	1.454.933.775.944	-	1.454.933.775.944
Cộng	66.735.677.208	2.864.293.477.333	-	2.931.029.154.541
Chênh lệch thanh khoản thuần	575.017.690.009	(1.406.626.355.077)	1.005.510.300.000	173.901.634.932

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020




NGUYỄN QUANG HIỀN
Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ MINH TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN THÀNH NHƠN
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính